TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ H T** **TỈNH TÂY N**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H T

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thinh.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Võ Quang Truyền
2/ Bà Lê Ngọc Trầm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nguyện – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H T tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C - sinh năm 1975;
Địa chỉ: A15/1, ấp Trường T, xã Trường H, thị xã H T, tỉnh Tây N.
Chỗ ở: Số 559, ấp Trường T, xã Trường H, thị xã H T, tỉnh Tây N.
2. Bị đơn: Anh Phạm Đức N - sinh năm 1971
Địa chỉ: A15/1, ấp Trường T, xã Trường H, thị xã H T, tỉnh Tây N.
(Các đương sự vắng mặt có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh T chung sống vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường H, thị xã H T, tỉnh Tây N. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng ý kiến, mỗi người có ý kiến riêng, từ đó tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, luôn có khoảng cách bất H, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, năm 2020 chị đã làm đơn xin ly hôn, nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn, nhưng tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Phạm Thanh T1 - sinh năm 2000, Phạm Thanh N1 - sinh năm 2009, cháu T1 đã trưởng T nên không yêu cầu giải quyết, cháu N1 chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không nợ chung.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Đức T trình bày: Anh và chị C chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và mâu thuẫn như vợ trình bày là đúng, nhưng vợ khai vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 là không đúng mà vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 khi vợ làm đơn xin ly hôn với anh đến nay, vợ anh kiên quyết xin ly hôn với anh thì anh phải chịu, nhưng anh còn thương vợ con, nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như vợ khai, cháu T1 đã trưởng T nên không yêu cầu giải quyết, anh đồng ý giao con nhỏ tên N1 cho vợ nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H T phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C. Con chung cháu T1 đã trưởng T không yêu cầu giải quyết; Giao cháu N1 cho chị C nuôi dưỡng, ghi nhận chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có không; chị C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị C là nguyên đơn, anh Phạm Đức T là bị đơn có đơn xin vắng mặt, nên cần áp dụng vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị C và anh T.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Đức T chung sống với nhau vào năm 1999, đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 5 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã Trường H, huyện H T (nay là thị xã H T), tỉnh Tây N, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc, theo chị C đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân đến nay. Ngược lại, theo anh T thì vợ

chồng có gây gổ qua lại, còn mâu thuẫn như thế nào không nhớ, năm 2015 chị C về nhà chị ruột chị C ở bán cà phê, anh có đến phụ và đi đi về về, vợ chồng sống ly thân từ khi vợ làm đơn xin ly hôn với anh vào năm 2020 đến nay.

Như vậy, thời gian vợ chồng sống chung phát sinh mâu thuẫn, năm 2020 chị C làm đơn xin ly hôn với anh T, sau đó rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân thị xã H T đã ra Quyết định số 190 ngày 15/12/2020 đình chỉ giải quyết vụ án. Từ khi chị C rút đơn về mong để vợ chồng hàn gắn, nhưng giữa chị C và anh T không hàn gắn tình cảm vợ chồng mà tiếp tục bất đồng ý kiến không cùng chung quan điểm, vợ chồng tiếp tục sống ly thân đến nay, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho rằng chị C kiên quyết ly hôn với anh thì anh phải chịu. Do đó, giữa chị C và anh T không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là có cơ sở phù hợp.

[3]. Về con chung: Có 02 người con chung tên Phạm Thanh T1 - sinh năm 2000, Phạm Thanh N1 - sinh năm 2009, cháu T1 đã trưởng T không yêu cầu giải quyết, cháu N1 chị C yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; ý kiến của anh T đồng ý giao cháu N1 cho chị C nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng. Do đó, ý kiến của chị C phù hợp nguyện vọng của cháu N1, cháu có nguyện vọng sống với chị C, nên cần giao cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1, ghi nhận chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

[4]. Tài sản chung: Chị C, anh T không yêu cầu giải quyết và khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn như nhận định nêu trên là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị C phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Phạm Đức T.

Chị Nguyễn Thị C và anh Phạm Đức T được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phạm Thanh N1 - sinh năm 2009.

Ghi nhận chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu N1.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Riêng cháu Phạm Thanh T1 - sinh năm 2000 đã trưởng T, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

3. Tài sản chung: Chị C, anh T không yêu cầu giải quyết và khai không nợ chung.

4. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 00099852 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H Thành, chị C đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây N trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Các T viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây N;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- CC. THADS thị xã Hòa Thành;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

Nguyễn Thị Thinh

Các T viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Võ Quang Truyền - Lê Ngọc Trầm	**Nguyễn Thị Thinh**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây N**;**
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- THADS thị xã Hòa Thành;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

Nguyễn Thị Thinh

Các T viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây N**;**
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thanh Điền;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

Nguyễn Thị Thinh